

CẢI CÁCH THỂ CHẾ Ở VIỆT NAM TRƯỚC THÁCH THỨC CỦA TOÀN CẦU HÓA

Tác giả: Gs.Ts. Hoàng Chí Bảo – Hội đồng lý luận Trung ương

Nguồn: Tạp chí Cộng sản số 17 năm 2008

Nhờ những cải cách tích cực mà Việt Nam đã thu được nhiều thành tựu quan trọng, tham gia ngày càng sâu rộng vào quá trình toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế; góp phần cho sự phát triển của đất nước, đưa Việt Nam vào vị trí xứng đáng trên thế giới. Tuy nhiên, những cải cách của Việt Nam còn gặp nhiều khó khăn nên kết quả chưa tương xứng với kỳ vọng và tiềm năng của đất nước.

1 – Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế với sự phát triển của Việt Nam

Vào giữa thập kỷ 80 của thế kỷ XX, Việt Nam lâm vào một cuộc khủng hoảng kinh tế – xã hội trầm trọng. Khi đó, sản xuất đình đốn, các nhà máy, xí nghiệp thuộc khu vực sở hữu nhà nước, thuộc thành phần kinh tế quốc doanh làm ăn không có hiệu quả, luôn ở trong tình trạng “lãi giả lỗ thật”, trì trệ, gần như phá sản. Nền kinh tế theo mô hình kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, với phương thức quản lý hành chính – mệnh lệnh, bao cấp và bình quân đã tỏ ra không có sức sống vì thiếu động lực nội tại để phát triển. Công nhân và lao động không có việc làm và thu nhập không đủ sống bởi lạm phát gia tăng 3 con số (776,4%) với tốc độ “phi mã”. Tệ nạn và tiêu cực xã hội phát sinh ngày càng nhiều, xã hội có nguy cơ mất ổn định, các tầng lớp nhân dân nao núng và suy giảm niềm tin đối với Đảng và Nhà nước. Chính sách bao vây, cấm vận của Mỹ và các thế lực thù địch đã làm cho kinh tế Việt Nam gặp phải những khó khăn gay gắt, nhất là trong thời điểm xảy ra những biến động chính trị làm đổ vỡ thể chế xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu.

Để thoát ra khỏi tình trạng khủng hoảng và lạm phát lúc đó, Việt Nam đã tiến hành đổi mới, thay đổi quan niệm, mô hình, chính sách và cơ chế quản lý, chuyển sang phát triển kinh tế hàng hóa; thừa nhận sự tồn tại khách quan của nhiều thành phần kinh tế, tuân theo quy luật giá trị, thị trường, chú trọng giải phóng và phát triển lực lượng sản xuất, điều chỉnh quan hệ sản

xuất và các hình thức sở hữu, từ đa dạng các thành phần kinh tế, đa dạng các hình thức sở hữu mà thừa nhận và áp dụng phương thức đa dạng hóa các loại hình phân phối. Kinh tế nông nghiệp, nông thôn, nhất là các hợp tác xã ở nông thôn cũng được tổ chức lại bằng cách áp dụng cơ chế khoán, đặc biệt là khoán tới từng hộ gia đình nông dân, coi hộ gia đình nông dân là đơn vị kinh tế cơ bản ở nông thôn. Mấu chốt của vấn đề là ở chỗ cải cách (hay đổi mới) kinh tế phải nhằm vào giải phóng sức sản xuất, tập trung phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất và coi trọng lợi ích cá nhân của người lao động, của các chủ thể sản xuất, kinh doanh.

Trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần và vận hành theo cơ chế thị trường, tất yếu nảy sinh yêu cầu ngày càng cao của dân chủ hóa và tự do hóa kinh tế, từ đó phải tách bạch quyền tự do, tự chủ, tự chịu trách nhiệm của doanh nghiệp và doanh nhân trong sản xuất, kinh doanh với quyền quản lý hành chính của Nhà nước theo luật pháp đối với các doanh nghiệp, doanh nhân, đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, khắc phục tình trạng Nhà nước can thiệp quá sâu vào kinh tế. Luật pháp thừa nhận và tôn trọng quyền bình đẳng trước pháp luật của các thành phần kinh tế. Đổi mới kinh tế ở Việt Nam qua hơn 2 thập kỷ (từ 1986 tới nay) là một quá trình chuyển đổi trên rất nhiều phương diện.

Nhờ đổi mới kinh tế có kết quả, nhất là khai thông được con đường phát triển bởi mở cửa ra bên ngoài, đẩy mạnh hợp tác song phương, đa phương với các nước trong khu vực và trên thế giới mà Việt Nam đã ra khỏi cuộc khủng hoảng, ổn định được xã hội, có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, liên tục trong nhiều năm, cải thiện được mức sống của dân cư ở cả đô thị và nông thôn, tạo tiền đề cho phát triển.

Đổi mới ở Việt Nam diễn ra trong bối cảnh thế giới và khu vực có những biến đổi mạnh mẽ, nhanh chóng và sâu sắc. Đó là sự thay đổi trật tự thế giới theo hướng đa cực, đa trung tâm sau khi kết thúc trật tự hai cực đối đầu của thời kỳ “chiến tranh lạnh” giữa Mỹ và Liên Xô trước đây. Không gian chính trị – xã hội thời kỳ hậu Xô-viết với tác động của toàn cầu hóa như một xu thế tất yếu và phổ biến đã làm nổi bật một đặc điểm mới của thế giới hiện nay là hòa bình, hợp tác và phát triển. Các quốc gia dân tộc cùng tồn tại và phát triển trong thế tùy thuộc và phụ thuộc lẫn nhau. Trong thế giới như thế, không một quốc gia dân tộc nào có thể tồn tại và phát triển được trong trạng thái ốc đảo, khép kín, biệt lập. Rõ ràng, sự phát triển ngày nay không

thể đơn tuyến mà là đa dạng hóa, đa phương hóa, là phát triển của thống nhất trong đa dạng, thống nhất của những khác biệt. Sự khác biệt ý thức hệ và thể chế chính trị đã không còn là trở ngại không thể vượt qua trong phát triển.

Trong phát triển không loại trừ khả năng dẫn tới phát triển xấu và phản phát triển. Những dấu hiệu của tình hình đó là: lệ thuộc về tài chính, kinh tế; tài nguyên cạn kiệt và môi trường bị hủy hoại, đe dọa độ an toàn trong phát triển; tái lạm phát và khủng hoảng; sự suy giảm và đánh mất bản sắc văn hóa và truyền thống dân tộc trong hội nhập; lợi thế so sánh giảm dần tác dụng trong cuộc cạnh tranh quyết liệt toàn cầu; vai trò của nhà nước dân tộc cũng giảm dần tương ứng với sự gia tăng vai trò của các tổ chức; các định chế quốc tế trong hội nhập và trong phát triển.

Trong tình hình hiện nay và 1 – 2 thập kỷ sắp tới, việc xác định chiến lược và chính sách phát triển của mỗi nước đòi hỏi phải tính đến không chỉ các nhân tố tác động bên trong, thuộc phạm vi quốc gia và các đặc điểm dân tộc mà còn phải đặc biệt chú ý tới những nhân tố tác động và chi phối từ bên ngoài, của tình hình quốc tế, khu vực và thế giới, nhất là tác động của các nước lớn, các nền kinh tế mạnh, của xu hướng cải cách thể chế, trong đó có thể chế nhà nước, luật pháp. Hội nhập đòi hỏi sự đồng thuận giữa các bên đối tác. Khung pháp luật quốc tế trở thành hệ quy chiếu đối với cải cách luật pháp, cải cách hành chính quốc gia mà mỗi nước phải đáp ứng, nhất là trong nền kinh tế thị trường.

Việt Nam đã trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và tham gia vào hoạt động của nhiều tổ chức quốc tế khác. Do đó, cùng với đổi mới kinh tế, phát triển mạnh mẽ kinh tế thị trường, Việt Nam đang đứng trước đòi hỏi phải đẩy mạnh đổi mới chính trị, cụ thể là đổi mới hệ thống chính trị, cải cách nền hành chính quốc gia, sửa đổi những luật hiện hành và xây dựng một số đạo luật mới phù hợp với chuẩn mực và thông lệ của luật pháp quốc tế.

Trong thế giới toàn cầu hóa, một trong những thách thức của phát triển, nhất là đối với các nước đang chuyển đổi mô hình kinh tế và cải cách thể chế chính trị là phải xây dựng thể chế dân chủ – pháp quyền, vượt qua những vấn nạn về tham nhũng, tạo lập vững chắc cơ sở xã hội của chế độ dựa trên sự đoàn kết, hợp tác và đồng thuận của dân tộc và cộng đồng xã hội. Đó là điều kiện then chốt để ổn định, tăng trưởng và phát triển ở trong nước đồng

thời tham gia có hiệu quả vào hội nhập quốc tế, giải quyết hợp lý, hài hòa lợi ích dân tộc với lợi ích chung của cộng đồng quốc tế, thế giới.

2 – Cải cách thể chế ở Việt Nam trong tiến trình đổi mới và hội nhập quốc tế

Cải cách thể chế có tính hệ thống, bao hàm hai lĩnh vực thể chế trọng yếu, nổi bật nhất trong đời sống xã hội. Đó là thể chế kinh tế và thể chế chính trị.

Ở Việt Nam hiện nay, để phát triển mạnh mẽ kinh tế thị trường thì phải ra sức xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Định hướng xã hội chủ nghĩa là vấn đề chính trị và xã hội, là bảo đảm chính trị và bảo đảm xã hội cho sự vận hành và phát triển kinh tế. Đó là bảo đảm tăng trưởng kinh tế và thực hiện công bằng xã hội, thể hiện trong từng chính sách, kế hoạch phát triển. Đối tượng thụ hưởng các lợi ích do cải cách thể chế đem lại chính là người dân, hộ dân và các cộng đồng dân cư Việt Nam – một quốc gia đa dân tộc, đa tôn giáo và đa văn hóa. Cải cách thể chế phải đem lại lợi ích thực tế cho các đối tượng dân cư đa dạng đó, hơn nữa phải chú ý bảo đảm phát triển của cả nước, vùng, miền và cơ sở. Dân chủ và tự do, bình đẳng và công bằng là mục tiêu cần đạt tới của cải cách thể chế, làm gia tăng nhu cầu về dân chủ, về tự do trong hoạt động của cộng đồng, của từng thành viên trong xã hội, của từng công dân trong quan hệ với Nhà nước và pháp luật.

Cải cách thể chế kinh tế tạo ra môi trường và động lực phát triển kinh tế, củng cố cơ sở kinh tế cho những cải cách chính trị và hệ thống chính trị. Đến lượt nó, cải cách chính trị, nhất là cải cách thể chế nhà nước và luật pháp lại tạo ra cơ sở chính trị – pháp lý cho sự phát triển kinh tế.

Phát triển kinh tế thị trường đã làm chín muồi nhu cầu dân chủ và thúc đẩy sự phát triển dân chủ ở Việt Nam. Mô hình và cơ chế quản lý kinh tế kiểu hành chính – mệnh lệnh trước đổi mới dẫn đến tâm lý thụ động, ỷ lại vào Nhà nước, sự trì trệ và sự thiếu vắng trách nhiệm cá nhân. Khuyết tật và hạn chế này dần dần được khắc phục khi xã hội và các công dân làm quen với cơ chế thị trường và thích ứng với kinh tế thị trường. Nó đòi hỏi mỗi người dân và từng tổ chức phải tỏ rõ năng lực và trách nhiệm, ý thức chấp hành luật pháp, tính chủ động tháo vát, tính thiết thực và chú trọng kết quả, hiệu quả công việc, nhất là đối với các chủ thể sản xuất, kinh doanh, các

doanh nghiệp, công ty, các cơ quan kinh tế. Chuyển sang cơ chế thị trường và kinh tế thị trường, ngay các tổ chức chính trị (Đảng, Nhà nước), các đoàn thể xã hội và những người hoạt động trong lĩnh vực này cũng phải thay đổi tư duy, đổi mới phương pháp và phong cách hoạt động sao cho phù hợp với những đòi hỏi mới, yêu cầu mới. Nói tóm lại, những biến đổi kinh tế – xã hội, từ cơ cấu kinh tế và cơ cấu xã hội đến các quan hệ kinh tế và các quan hệ xã hội trong nền kinh tế thị trường, mở cửa và hội nhập đòi hỏi tổ chức và hoạt động chính trị phải đổi mới để thích ứng với những cải cách kinh tế và thúc đẩy xã hội phát triển. Trong cải cách thể chế chính trị, đặc trưng bao trùm và nổi bật là dân chủ hóa, xây dựng nền dân chủ, bảo đảm dân chủ của cá nhân phù hợp và đồng thuận với dân chủ của cả cộng đồng xã hội, tăng cường pháp luật, pháp chế, kỷ cương trong khuôn khổ Nhà nước pháp quyền, nâng cao vai trò của xã hội dân sự trong đời sống xã hội.

Phương hướng chung, lâu dài cũng như trước mắt cải cách thể chế chính trị ở Việt Nam là hướng tới xây dựng một xã hội dân chủ, bảo đảm dân chủ và phát huy quyền làm chủ của mọi người dân; nâng cao năng lực lãnh đạo và cầm quyền của Đảng trong điều kiện kinh tế thị trường, mở cửa và hội nhập quốc tế; xây dựng một Nhà nước pháp quyền mạnh, có thực lực và thực quyền trong quản lý kinh tế và điều hành xã hội; đào tạo bồi dưỡng đội ngũ công chức hiện đại với các tiêu chí: thành thạo chuyên môn, nghiệp vụ, đề cao trách nhiệm xã hội và đạo đức công chức, tăng cường kỷ luật công vụ; xây dựng và hoàn thiện hệ thống luật pháp, đẩy mạnh cải cách hành chính để có một nền hành chính công minh bạch, đáp ứng yêu cầu của xã hội và dân cư. Cùng với những điều nói trên cần phải đẩy mạnh giáo dục ý thức trách nhiệm của công dân đối với Nhà nước và xã hội, thực hiện đoàn kết dân tộc và đồng thuận xã hội cùng hướng vào mục tiêu phát triển. Mục tiêu đó là dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh đã được khẳng định trong các văn kiện chính trị của Đảng.

Trong tiến trình cải cách thể chế chính trị ở Việt Nam, những đặc điểm và tình hình sau đây là rất đáng lưu ý:

Thứ nhất, chế độ chính trị – xã hội ở Việt Nam là chế độ xã hội chủ nghĩa. ý thức hệ ở Việt Nam là chủ nghĩa Mác – Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, phấn đấu cho lý tưởng, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Thứ hai, mô hình thể chế chính trị ở Việt Nam là nhất nguyên chứ không phải là đa nguyên chính trị.

Thứ ba, ở Việt Nam không có chế độ đa đảng, không có đảng đối lập. Đảng cầm quyền và duy nhất cầm quyền là Đảng Cộng sản. Trong điều kiện một Đảng duy nhất cầm quyền, để bảo đảm dân chủ, phát huy quyền tự do dân chủ và làm chủ của mọi người dân, bảo đảm cho Nhà nước và các tổ chức đoàn thể do Đảng lãnh đạo thực sự có vai trò và tác dụng, luôn đặt ra như một vấn đề thời sự và phải không ngừng tìm tòi các giải pháp đổi mới để giải quyết vấn đề này, trước hết thuộc về trách nhiệm của Đảng đối với toàn xã hội, đồng thời phải có một Nhà nước mạnh với pháp luật được coi là tối thượng. Phân định rõ mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước theo chức năng – nhiệm vụ, thẩm quyền – trách nhiệm là một trong những vấn đề cốt yếu nhất trong lý luận thể chế và thực tiễn cải cách thể chế.

Thứ tư, Nhà nước ở Việt Nam cũng như nhà nước của các nước trên thế giới, trong cơ cấu tổ chức có lập pháp, hành pháp và tư pháp. Song cơ quan lập pháp ở Việt Nam được tổ chức theo mô hình một viện là Quốc hội chứ không phải “lưỡng viện” như nhiều nước khác (Thượng viện và Hạ viện). Việt Nam xây dựng Nhà nước pháp quyền nhưng không theo cơ chế tam quyền phân lập mà quyền lực tập trung thống nhất, thuộc về nhân dân. Các cơ quan nhà nước hoạt động theo cơ chế phân công phù hợp với chức năng, nhiệm vụ. Có phân công và phân quyền nhưng phải bảo đảm quyền lực là thống nhất, không phân chia quyền lực. Theo đó, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của dân, do dân, vì dân. Đảng lãnh đạo Nhà nước để bảo đảm thực hiện quyền làm chủ của nhân dân.

Thứ năm, trong cơ cấu hệ thống chính trị Việt Nam, ngoài Đảng, Nhà nước còn có Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (trước đây là Mặt trận dân tộc thống nhất) với tư cách là một liên minh chính trị rộng lớn bao gồm nhiều tổ chức thành viên.

Thứ sáu, cải cách thể chế chính trị ở Việt Nam trong đổi mới, nhất là trong giai đoạn hiện nay, đang nổi lên một nhiệm vụ bức xúc, gay gắt là đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng. Tình trạng này ở Việt Nam hiện nay là khá trầm trọng và phổ biến, đã trở thành quốc nạn. Đây là nguy cơ đối với sự ổn định và phát triển bền vững của chế độ. Đây cũng là một trong những thách thức lớn đối với Việt Nam trong hội nhập quốc tế, trong bối cảnh và xu thế toàn cầu hóa.

3 – Những yếu kém, hạn chế trong cải cách thể chế ở Việt Nam hiện nay

Cải cách thể chế chính trị ở Việt Nam, trong đó bao gồm cả cải cách hành chính và thủ tục hành chính đã diễn ra trong nhiều năm, đã đạt được một số kết quả bước đầu nhưng cũng đang gặp phải rất nhiều khó khăn và trở ngại, những hạn chế và yếu kém. Đó là những lực cản đối với dân chủ hóa và xây dựng nền dân chủ. Những lực cản đó cũng chính là những nguyên nhân phải xóa bỏ để phát triển và có những đột phá trong phát triển.

Có những lực cản trong hệ thống tổ chức quyền lực và cũng có những lực cản từ phía người dân trong đời sống xã hội. Có những lực cản do nhận thức và tâm lý, lối sống, thói quen và cũng có những lực cản trong tổ chức, bộ máy ở các cấp, các ngành, các địa phương cơ sở. Đó là:

- Nhận thức không đầy đủ, thậm chí không đúng về dân chủ: tách rời quyền và nghĩa vụ, lợi ích và trách nhiệm.

- Luật pháp không đồng bộ và thực thi pháp luật không nghiêm minh. Sự yếu kém về ý thức pháp luật cả trong đội ngũ công chức và trong dân. Thiếu vắng chế độ trách nhiệm và các chế tài trong xử lý.

- Bệnh quan liêu, nạn hội họp, giấy tờ, bệnh hình thức, phô trương, nói nhiều làm ít, lời nói không đi đôi với việc làm còn phổ biến và nghiêm trọng.

- Đội ngũ công chức chưa ngang tầm với yêu cầu và nhiệm vụ, tính chuyên nghiệp không cao, không ít người trong số họ chưa được đào tạo cơ bản và hiện đại. Trong các cơ quan Đảng, Nhà nước và đoàn thể vừa thừa vừa thiếu về nhân lực. Thừa người yếu kém, thiếu người tài giỏi, nhất là rất thiếu chuyên gia đầu ngành.

- Cải cách chế độ tiền lương diễn ra chậm chạp và ít có tác động thúc đẩy công việc.

4 – Cải cách thể chế ở Việt Nam - Xu hướng và triển vọng

Như một đòi hỏi tất yếu, để phát triển mạnh mẽ kinh tế thị trường, liên kết thị trường Việt Nam với thị trường quốc tế, khu vực và thế giới trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập, cải cách thể chế chính trị ở Việt Nam phải tập trung vào xây dựng Nhà nước pháp quyền – dân chủ và phát triển xã hội dân sự cũng như tổ chức tốt đời sống dân sự. Đó là những tiêu chí để phát triển và hiện đại hóa xã hội ở Việt Nam trong thế giới toàn cầu. Để giải quyết tổng thể và đồng bộ những yêu cầu đó, Việt Nam chú trọng đẩy mạnh cuộc

vận động thực hành dân chủ, trước hết là thực hành dân chủ trong Đảng, khai thác và vận dụng di sản tư tưởng lý luận về dân chủ của Hồ Chí Minh. Thực hành dân chủ là cách tốt nhất để phòng chống quan liêu, tham nhũng như Người đã từng nói.

Dân chủ ở cơ sở hướng vào quyền và lợi ích của người dân, thực hiện dân chủ là thực hiện những quyền cơ bản của con người, bảo đảm sao cho tính pháp lý và tính nhân văn của dân chủ được thực hiện, những quyền cơ bản được bảo đảm và nhân cách con người được tôn trọng.

Trong quản lý mọi công việc, mọi hoạt động của Nhà nước, phải chú trọng cả luật pháp và đạo đức. Đây là hai trụ cột giữ cho Nhà nước, công chức nhà nước trong sạch, vững mạnh. Đảng cầm quyền cũng vậy. Thực hiện trọng trách lãnh đạo và cầm quyền, Đảng phải hoạt động trong khuôn khổ của pháp luật, tôn trọng pháp luật, gương mẫu thi hành luật pháp. Gần đây, Văn kiện của Đảng đã ghi rõ, phải tìm tòi và xác lập cơ chế xét xử các hành vi vi phạm (vi phạm hiến pháp, đạo luật, chính sách), bảo vệ hiến pháp và pháp luật. Đảng cũng thấy sự cần thiết và đã ban hành quy chế bảo đảm thực hiện quyền chất vấn của cán bộ đảng viên. Trong đà phát triển của kinh tế thị trường, của Nhà nước pháp quyền và xã hội dân chủ, những vấn đề đó đều không tách rời xu hướng cải cách thể chế ở Việt Nam.

Nhà nước trong quá trình cải cách sẽ tiến tới tổ chức một Quốc hội với những đại biểu của dân mang tính chuyên nghiệp cao, tăng số lượng đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách, có trình độ học vấn cao, nhất là năng lực am hiểu luật pháp, năng lực làm công tác xã hội, vận động quần chúng. Chính quyền địa phương và chính quyền cơ sở là những mắt xích quan trọng trong hệ thống tổ chức quyền lực. Cấp cơ sở từ bao lâu nay vẫn chưa trở thành một cấp hoàn chỉnh (không có công chức, không có lương theo chế độ công chức) sẽ phải được tổ chức lại.

Các tổ chức xã hội tự nguyện do dân lập ra sẽ ngày càng nhiều, phong phú và đa dạng. Nó phải tỏ rõ sức mạnh thực tế của tiếng nói người dân, cuộc sống của dân, đáp ứng yêu cầu, nguyện vọng hợp lý, chính đáng của người dân. Phải tổ chức tốt đời sống dân sự, muốn vậy phải xây dựng xã hội dân sự cả thiết chế tổ chức lẫn thể chế hoạt động. Kết hợp Nhà nước với xã hội dân sự là kết hợp các thiết chế quan phương và phi quan phương, theo hướng “Nhà nước nhỏ hơn, xã hội lớn hơn”, tăng cường chức năng xã hội, dịch vụ công của Nhà nước. Kết hợp các tổ chức quyền lực mạnh trong sức

mạnh chống tham nhũng, bảo đảm một Nhà nước mạnh và trong sạch. Cải cách bầu cử, chính sách và cơ chế phát huy sức mạnh, ý chí của dân qua trung cầu dân ý, để làm cho quyền của dân được thực sự tôn trọng và phát huy.

Trong hội nhập quốc tế, Việt Nam có thể và cần phải tăng cường hợp tác với các nước để học hỏi kinh nghiệm, giao lưu tiếp xúc đối thoại văn hóa, đào tạo cán bộ, chuyên gia, sớm hình thành nguồn nhân lực có chất lượng cao. Đó là những vấn đề đặt ra và hướng giải quyết trong cải cách thể chế ở Việt Nam trong những năm tới./.